TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 13 - 02 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lâm Minh Tuấn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Lý Đêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B; địa chỉ: Số nhà 109 tòa nhà C đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vương Hồng T, sinh năm 1982, Giám đốc Phòng giao dịch V, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Sóc Trăng; địa chỉ: Số nhà 247A, đường 30/4, khóm c, Phường D, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1981.

Hộ khẩu: Khóm K, phường K, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi cư trú: Khu tập thể T, Khóm C, Phường D, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Anh T có mặt, chị E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (BL 01), cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do ủy quyền của nguyên đơn anh Vương Hồng T trình bày:

Vào ngày 27/10/2016, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (gọi tắt là Ngân hàng) và chị Nguyễn Thị Út E có ký hợp đồng tín dụng số 1513/2016/HĐTD-CNSocTrang. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho chị E vay số tiền là 250.000.000 đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); lãi suất vay là 12%/năm; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; hình thức trả nợ chia thành 60 kỳ, thanh toán mỗi tháng là 1 kỳ.

Thực hiện theo hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị E nhận đủ số tiền vay. Chị E đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 66.673.032đồng (trong đó vốn là 42.000.000đồng và lãi là 24.673.032đồng).

Đến ngày 30/10/2017, chị E đã để phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho chị E thanh toán nợ nhưng chị E không thực hiện. Tính đến ngày Tòa án xét xử là ngày 13/02/2019 chị E còn nợ tổng cộng số tiền là 249.872.453đ (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng) (trong đó vốn gốc là 208.000.000đ (hai trăm lẻ tám triệu đồng) và lãi là 41.872.453đ (bốn mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng)).

Nay Ngân hàng yêu cầu chị E thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ nêu trên và yêu cầu trả lãi phát sinh theo lãi suất của hợp đồng đến thời điểm thanh toán nợ.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Điều lệ Ngân hàng; Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP B ; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP B ; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Sóc Trăng - Ngân hàng TMCP B ; Bản sao Quyết định số: 889/2015/QĐ-HĐQT ngày 13/10/2015 của Hội đồng quản trị TMCP B về việc tiếp nhận và bổ nhiệm đối với ông Trần Khoa N ; Bản sao Quyết định số:

212/2018/QĐ-LienVietPostBank.CNST ngày 11/5/2018 của Giám đốc Chi nhánh Sóc Trăng – Ngân hàng TMCP B về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thực hiện các công việc liên quan tại cơ quan thi hành án; Bản sao Quyết định số: 6650/2017/QĐ-TGĐ ngày 20/6/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP B về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng với Giám đốc Chi nhánh; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của ông Trần Khoa N và anh Vương Hồng T ; Bản sao Hợp đồng tín dụng khiêm khế ước nhận nợ số 1513/2016/HĐTD-CNSocTrang ngày 27/10/2016; Bảng kê gốc, lãi tạm tính ngày 21/5/2018; Bản photocopy Thông báo số: 34/2017/CV/LPB-CNST-PGDVC ngày 31/10/2017 của Phòng giao dịch V , Chi nhánh Sóc Trăng – Ngân hàng TMCP B hỗ trợ xử lý nợ; Bản photocopy Biên bản làm việc ngày 31/10/2017; Đơn xin xác nhận nhà chưa được cấp số ngày 17/5/2018 của anh Vương Hồng T ; Bản photocopy Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị Út E ; Bảng kê gốc, lãi tạm tính ngày 13/02/2019.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Út E : Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị E không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Đồng thời, chị E cũng vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 12/11/2018, ngày 04/12/2018. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp trên cho chị E và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 22/01/2019, bị đơn E vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản xác minh nơi cư trú (BL 97,98,99). Các tài liệu, chứng cứ trên có thông báo cho đương sự biết nhưng không ai có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Út E , trong suốt quá trình giải quyết vụ án

cũng như tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị E vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị E theo quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị Út E phải trả nguyên đơn số tiền là 249.872.453đ (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng); quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thị Út E phải thanh toán số tiền vay từ hợp đồng tín dụng số 1513/2016/HĐTD-CNSocTrang ngày 27/10/2016. Do tranh chấp giữa tổ chức với cá nhân, bị đơn chị Nguyễn Thị Út E hiện nay đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nhưng xác định nơi cư trú cuối cùng của chị E là Khu tập thể T , Khóm C, Phường D, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Xác định đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thị Út E đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét lời trình bày của người đại diện do nguyên đơn ủy quyền và căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1513/2016/HĐTD-CNSocTrang ngày 27/10/2016 (BL 57,58,59 60) giữa Ngân hàng với chị Nguyễn Thị Út E được xác lập theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định dây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và chị Nguyễn Thị Út E thì xác định khoản vay là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi

triệu đồng), lãi suất vay là 12%/năm; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay là 60 tháng; hình thức trả nợ chia thành 60 kỳ, thanh toán mỗi tháng là 1 kỳ. Tuy nhiên, chị E chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng là 66.673.032 đồng (trong đó vốn là 42.000.000đồng và lãi là 24.673.032 đồng) thì ngưng không thanh toán là vi phạm thỏa thuận của hợp đồng. Xét mục đích vay của chị E là để tiêu dùng cá nhân, không thế chấp tài sản bảo đảm, khi ký kết hợp đồng chỉ có cá nhân chị E ký ngoài ra không còn người nào khác cùng tham gia giao dịch, mặc khác Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân chị E thanh toán khoản nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định đây là nợ cá nhân của chị E .

Trong quá trình giải quyết, chị E vắng mặt không có lý do, không tham gia, phản đối hay có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Mặc khác, Ngân hàng đã xuất trình các tài liệu chứng cứ mà chị E đã xác lập giao dịch với Ngân hàng, xác lập chứng cứ đến thời điểm xét xử chị E còn nợ tổng số tiền là vốn là 208.000.000 đồng. Do chị E vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị E phải thanh toán số tiền vay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Xét hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất vay là 12%/năm là không vi phạm đối với lãi suất cho vay do pháp luật quy định. Đối với yêu cầu của Ngân hàng về khoản lãi suất phát sinh theo lãi suất của hợp đồng đến thời điểm thanh toán nợ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, chị E phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể chị E phải chịu là 249.872.453đồng x 5% = 12.493.623 đồng.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều

147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 468 và khoản 2 Điều 470, của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B đối với bị đơn Nguyễn Thị Út E, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc chị E có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng cộng số tiền là 249.872.453đ (hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng) (trong đó tiền vốn vay 208.000.000 đồng (hai trăm lẻ tám triệu đồng), lãi suất đến thời điểm xét xử là 41.872.453đ (bốn mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi ba đồng)) và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày xét xử theo hợp đồng tín dụng số 1513/2016/HĐTD-CNSocTrang ngày 27/10/2016 mà hai bên đã ký kết cho đến khi hết nợ.

2. Chị Nguyễn Thị Út E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.493.623đ (mười hai triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi ba đồng). Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.551.179đ (năm triệu năm trăm năm mươi mốt ngàn một trăm bảy mươi chín đồng) theo Biên lai thu số 0000933 ngày 27/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Nguyễn Thị Út E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU